

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2019

V/v kiện ly hôn, tranh chấp tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Võ Ánh Sứ.

- Bà Phạm Thị Thùy Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ksor Y Kơ – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019 tại Phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2018/TLST - HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2018, về việc kiện “Ly hôn, tranh chấp tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N chung sống với nhau từ năm 1981, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Việt Thống, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh nhưng ông không được cung cấp giấy chứng nhận kết hôn, Ông Bà chung sống trên cơ sở tự nguyện, thời gian chung sống hạnh phúc được 30 năm, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do trong cuộc sống bà N không tôn trọng Ông, coi thường nên Ông không thể tiếp tục chung sống với bà N được nữa. Ông Bà sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với bà N nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 03 người con chung: Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; Nguyễn Văn T, sinh năm 1985; Nguyễn Văn T, sinh năm 1988. Hiện nay, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông T yêu cầu chia các tài sản chung sau: 01 cây vàng 999,9% và 5 chỉ vàng SJC, 06 tạ cà phê nhân đang gửi đại lý Nghị Nhung ở xã Ea Tân, huyện Krông Năng; 1,5 tấn cà phê nhân gửi đại lý Bính Hiền ở thôn 9B, xã Ea Hiao, huyện Ea H'Leo; 2,4 tấn cà phê nhờ con gái Nguyễn Thị L mua cà non; 1,8 tấn cà phê cho con gái Nguyễn Thị L làm sản lượng nhưng chưa lấy; 79.000.000 đồng tiền bán đất tại tỉnh Lâm Đồng mà bà Nguyễn Thị N đang giữ; yêu cầu chia 100.000.000 đồng tiền nhà nước bồi thường đất đắp đê và đất nền đê tại quê tỉnh Bắc Ninh.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 1981, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Việt Thống, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, tuy nhiên khi đăng ký Ông Bà chỉ ký vào sổ mà không được nhận giấy chứng nhận kết hôn. Khi kết hôn Ông Bà hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu nhau một thời gian ngắn. Sau khi kết hôn Bà và ông T sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do Bà bị bệnh nên ông T không quan tâm, chăm sóc và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Trong cuộc sống ông T có đánh Bà nhiều lần, đến mức Tòa án đã xét xử đối với ông T về tội cố ý gây thương tích. Kể từ ngày 11/7/2016 Bà bị ông T đánh gãy chân không thể tự mình sinh hoạt được nhưng ông T vẫn không cho sinh hoạt (ăn cơm, tắm giặt, thắp điện...) nên Bà không thể chung sống với ông T mà phải đi bệnh viện điều trị. Nay ông T yêu cầu ly hôn với Bà, Bà không đồng ý vì vẫn muốn chung sống với ông T.

Trong quá trình chung sống bà N và ông T có 03 người con chung như ông T trình bày. Hiện nay, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống Ông Bà có các tài sản chung như sau, Bà yêu cầu phân chia:

+ 01 thửa đất có diện tích 405m² tại thôn 9A, xã Ea Hiao, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk, đất chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 300m² đất (10m x 30m) tại thôn Thống Nhất, xã Ea Tân, huyện Krông

Năng, Đắc Lắc. Đất đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 ngôi nhà cấp 4, 04 gian; 01 gian nhà ống trần 02 tầng có diện tích 80m² đất thuộc thôn Thống Hạ, xã Việt Thống, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; 08 cây vàng SJC trị giá 35.000.000 đồng/cây x 08 cây = 280.000.000 đồng; 1.000 kg cà phê nhân xô gửi tại đại lý Luân Nhân, ông T đang quản lý; 01 tủ thờ, 01 bộ bàn ghế gỗ, 02 cái giường, 01 tủ đựng quần áo bằng kính nhôm, 01 tủ đựng quần áo bằng nhựa, 01 tủ đựng tivi, 01 tủ lạnh và xoong nồi...

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho ông T ly hôn với bà N; cần chấp nhận việc rút yêu cầu về việc phân chia tài sản của ông T; cần đình chỉ giải quyết về việc yêu cầu phân chia tài sản chung của ông T, bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N là vợ chồng. Do mâu thuẫn trong quá trình chung sống, nên ông Thu khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về tài sản chung, bà N yêu cầu phân chia tài sản chung với ông T và Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu phân chia tài sản chung với bà Nguyễn Thị N. Căn cứ vào khoản 4 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông T là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, nên cần chấp nhận.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N chung sống với nhau từ năm 1981, không cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nhưng Ông Bà về chung sống với nhau từ năm 1981 nên đây là hôn nhân thực tế. Hai người chung sống và kết hôn trên cơ sở tự nguyện có qua thời gian tìm hiểu. Trong quá trình chung sống Ông Bà sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách của hai người khác nhau, không còn chung quan điểm và cách sống nên xảy ra cãi vã, ông bà đã sống ly thân, năm 2016 do mâu thuẫn nên ông T có hành vi gây thương tích đối với bà N. Nay nhận thấy Ông Bà không còn yêu thương, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại, nếu tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai người. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì ông bà cũng không còn chung sống với nhau nữa. Vì vậy, cần cho ông T và bà N được ly hôn, để giải phóng sự ràng buộc giữa hai người.

[3] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N có 03 con chung là Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; Nguyễn Văn T, sinh năm 1985; Nguyễn Văn T, sinh năm 1988. Hiện nay, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là 01 cây vàng 999,9%; 05 chỉ vàng SJC; 06 tạ cà phê nhân đang gửi đại lý Nghị Nhung; 1,5 tấn cà phê nhân gửi đại lý Bính Hiền; 2,4 tấn cà phê nhờ con gái Nguyễn Thị L mua cà non; 1,8 tấn cà phê cho con gái Nguyễn Thị L làm sản lượng; 79.000.000 đồng tiền bán đất tại tỉnh Lâm Đồng mà bà Nguyễn Thị N đang giữ; 100.000.000 đồng tiền nhà nước bồi thường đất đắp đê tại quê tỉnh Bắc Ninh. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông T phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ giải quyết về phần tài sản chung.

- Về yêu cầu của bà Nguyễn Thị N về việc phân chia tài sản chung, Hội đồng xét xử xét thấy: Các tài sản là thửa đất có diện tích 405m² tại thôn 9A, xã Ea Hiao, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk; thửa đất có diện tích 300m² tại thôn Thống Nhất, xã Ea Tân, huyện Krông Năng, Đắk Lắk; 01 ngôi nhà cấp 4; 01 gian nhà ống trần 02 tầng có diện tích 80m² thuộc thôn Thống Hạ, xã Việt Thống, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; 08 cây vàng SJC; 1.000 kg cà phê nhân xô gửi tại đại lý Luân Nhàn; 01 tủ thờ; 01 bộ bàn ghế gỗ; 02 cái giường; 01 tủ đựng quần áo bằng kính nhôm; 01 tủ đựng quần áo bằng nhựa; 01 tủ đựng tivi; 01 tủ lạnh và xoong nồi...

Sau khi thụ lý yêu cầu của bà N, Tòa án đã yêu cầu bà N nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nhưng bà N không nộp. Mặt khác, Tòa án triệu tập hợp lệ bà N đến làm việc đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do. Căn cứ vào các điểm c, đ khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cần đình chỉ yêu cầu phân chia các tài sản chung nêu trên của bà N.

Khi có yêu cầu phân chia tài sản chung ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác dân sự khác.

[5] Về án phí dân sự: Cần buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật, cần trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự còn lại của ông Nguyễn Văn T đã nộp.

Bà Nguyễn Thị N bị khuyết tật, thuộc đối tượng nhận trợ cấp, có đơn đề nghị miễn giảm tiền án phí nên cần miễn toàn bộ tiền án phí dân sự cho bà N. Vì vậy, cần trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự cho bà Nguyễn Thị N đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 156; các điểm c, d khoản 1 Điều 217, các khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 218, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

2. Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N có 03 con chung là Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; Nguyễn Văn T, sinh năm 1985; Nguyễn Văn T, sinh năm 1988. Hiện nay, các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu phân chia tài sản chung là 01 cây vàng 999,9%; 05 chỉ vàng SJC, 06 tạ cà phê nhân đang gửi đại lý Nghị Nhung; 1,5 tấn cà phê nhân gửi đại lý Bính Hiền; 2,4 tấn cà phê nhờ con gái Nguyễn Thị L mua cà non; 1,8 tấn cà phê cho con gái Nguyễn Thị L làm sản lượng; 79.000.000 đồng tiền bán đất tại tỉnh Lâm Đồng mà bà Nguyễn Thị N đang giữ; 100.000.000 đồng tiền nhà nước bồi thường đất đắp đê tại quê tỉnh Bắc Ninh.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu phân chia các tài sản chung của bà Nguyễn Thị N đối với thửa đất có diện tích 405m² tại thôn 9A, xã Ea Hiao, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk; 300m² đất tại thôn Thống Nhất, xã Ea Tân, huyện Krông Năng, Đắk Lắk; 01 ngôi nhà cấp 4; 01 gian nhà ống trần 02 tầng có diện tích 80m² thuộc thôn Thống Hạ, xã Việt Thống, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; 01 tủ

thời; 01 bộ bàn ghế gỗ; 02 cái giường; 01 tủ đựng quần áo bằng kính nhôm; 01 tủ đựng quần áo bằng nhựa; 01 tủ đựng tivi; 01 tủ lạnh và xoong nồi; 08 cây vàng SJC; 1.000 kg cà phê nhân xô.

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N khi có yêu cầu có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc phân chia tài sản chung bằng một vụ án dân sự khác.

4. Về án phí dân sự: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự đối với yêu cầu ly hôn, số tiền này được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0000766, ngày 05/01/2018.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn T 3.625.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn lại mà ông T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0000766, ngày 05/01/2018.

Bà Nguyễn Thị N bị khuyết tật, thuộc đối tượng nhận trợ cấp, có đơn đề nghị miễn giảm tiền án phí nên cần miễn toàn bộ tiền án phí dân sự cho bà N. Vì vậy, trả lại 2.900.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0004196, ngày 29/6/2018.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- UBND xã Thống Hạ, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Đăng Khoa